

Bản án số: 06/2018/HSST
Ngày: 09/3/2018

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hồng Khánh

Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Tp.Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/HSST ngày 02/02/2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn V, sinh ngày 01/12/1999 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; con ông Phạm T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972 (đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 anh em; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Ông Võ Văn Nguyễn T1 (Tý), sinh năm 1995; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị Đ; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Phạm T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1972 cùng địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Võ Văn Quốc L, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* Người làm chứng :

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Mã Thành T, sinh năm 1954, địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Phạm T, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 16/8/2017, khi Phạm Văn V đang ở nhà thì nghe em trai mình là Phạm Văn D (sinh năm 2012; trú tại: Thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng) khóc bên nhà họp thôn P nên V cùng mẹ là bà Nguyễn Thị P chạy qua xem có chuyện gì thì nghe một số người có mặt tại đây nói là D bị Võ Văn Quốc L đánh nên V và L có lời qua tiếng lại với nhau. V dùng tay tát vào mặt L một cái, sau đó cả hai lao vào đánh nhau thì được bà P can ngăn nên cả hai đi về nhà. Về đến nhà thì cả hai tiếp tục lời qua tiếng lại và V lấy 02 vỏ chai nước khoáng bằng thủy tinh ném qua hiên nhà L (nhà V và L đối diện nhau) làm vỡ 01 tấm gương cửa chính nhà L.

Khoảng 5 phút sau thì Võ Văn Nguyễn T1 là anh trai L đi chơi về nghe sự việc trên thì có gọi V ra và nói “Mi qua dọn vỏ chai cho tao” thì V trả lời lại bằng những lời nói thô tục, sau đó V bị bố là ông Phạm T can ngăn đẩy vào nhà còn T1 bỏ lên quán tạp hóa của ông Nguyễn C (cùng thôn) ngồi uống nước.

Khoảng 10 phút sau, V đi ngang qua quán tạp hóa của ông C, T1 đang ngồi trong quán thấy V nên T1 có gọi V lại và cả hai tiếp tục cãi nhau, T1 chạy ra nhặt 01 viên gạch đuổi đánh V thì V bỏ chạy, T1 quay lại quán ông C ngồi. Khi V bỏ chạy đến nhà bà Lê Thị Diễm (là bà nội của V) thì thấy có 01 cây rựa để trên đồng cùi ở ngay ngõ ra vào nên V cầm rựa với mục đích xuống đánh T1. Sau đó, V quay lại quán tạp hóa ông C, khi V đi lên đến sân nhà ông C thì lúc này T1 đang ngồi xem đánh bài, V liền cầm rựa tiến về phía sau T1. Khi V tiến lại gần thì T1 đứng dậy và quay đầu lại nhìn thì bị V dùng rựa chém một cái, chéo một đường từ phải sang trái, từ trên xuống dưới trúng vào phần trán bên trái của T1, T1 xông vào giằng co cây rựa trên tay V. Ông Phạm T từ ngoài đường chạy vào cùng với Nguyễn Văn P can ngăn V và T1 ra. Sau đó, V cầm cây rựa bỏ chạy còn T1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đà Nẵng. Khi cầm rựa chạy khỏi hiện trường, V đã vứt cây rựa vào bụi cây ven đường trước nhà họp thôn P.

Hậu quả: Theo bản kết luận giám định thương tích số 307/TgT ngày 20/9/2017 của T tâm Pháp y thành phố Đà Nẵng xác định tỷ lệ thương tích của Võ Văn Nguyễn T1 là 7%. Ngày 25/9/2017, anh T1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tang vật tạm giữ: Một cây rựa cán bằng gỗ tròn dài 40cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 25cm, hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, V đã tác động gia đình và bồi thường cho anh T1 3.200.000 đồng. Anh T1 yêu cầu V phải bồi thường chi phí điều trị thương tích là 24.000.000 đồng, chi phí bồi dưỡng sức khỏe là 40.000.000 đồng, tiền công lao động là 39.000.000 đồng, tổng cộng là 93.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSNDHV ngày 31/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 68, 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh T1 theo quy định pháp luật.

Về tang vật: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 cây rựa cán bằng gỗ tròn dài 40cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 25cm.

Tại phiên tòa, người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Cha mẹ của bị cáo không có ý kiến gì về số tiền 3.200.000 đồng và 5.000.000 đồng đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh T1 và đồng ý bồi thường cho anh T1 theo mức hợp lý mà pháp luật quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo; độ tuổi, khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo:

Do có mâu thuẫn trước nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/8/2017, tại quán tạp hóa của ông Nguyễn C ở thôn P, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng, Phạm Văn

V đã dùng rựa là hung khí nguy hiểm, chém vào phần trán bên trái của Võ Văn Nguyễn T1 làm anh T1 bị thương tích với tỷ lệ thương tích là 7%, bản thân T1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Như vậy, chỉ vì bị cáo nghe em trai Phạm Văn D (sinh năm 2012) khóc do bị em trai của T1 là Võ Văn Quốc L đánh nên bị cáo tát vào mặt L và dùng hai vỏ chai thủy tinh ném vỡ một tấm gương nhà T1. Khi T1 yêu cầu bị cáo dọn vỏ chai nhưng bị cáo không dọn dẫn đến hai bên có lời qua tiếng lại và bị T1 nhặt một viên gạch đuổi đánh nên bị cáo bỏ chạy, khi bỏ chạy đến nhà bà nội của mình thì bị cáo thấy có cây rựa đã nảy sinh ý định cầm rựa đánh lại T1. Khi T1 quay lại nhìn thấy V thì V liền dùng rựa chém trúng trán của T1. Qua diễn biến sự việc cũng như diễn biến tâm lý của bị cáo thì nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn đơn giản, hành động nhất thời thiếu suy nghĩ và không lường trước hậu quả. Bị cáo sinh ngày 01/12/1999 và thực hiện hành vi phạm tội ngày 16/8/2017, khi đó bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 68, 69 của Bộ luật hình sự năm 1999 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo cơ hội để sửa sai; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh T1 3.200.000 đồng và nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bị cáo có cậu ruột Nguyễn Văn Hùng là liệt sĩ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên và việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã quy định nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau:

“1. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm L ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2. Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương này:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật này;

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này, trừ trường hợp quy định tại Điều 123 (tội giết người); Điều 134, các khoản 4, 5 và khoản 6 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi); Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật này;

c) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

4. Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

5. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

6. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

7. Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.”

Tại điểm đ khoản 1 Điều 3 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định : “Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục”.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận định không cần thiết phải xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội bắt chấp hành hình phạt tù như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị mà căn cứ Điều 68, 69 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm đ khoản 1 Điều 3, Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật.

Do bị cáo hiện nay chưa có việc làm, còn sống phụ vào cha mẹ và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên được miễn khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước nhưng phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

[3] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

3.1. Đối với hành vi bị cáo đánh Võ Văn Quốc L và hành vi bị cáo dùng vỏ chai ném vỡ gương cửa chính nhà ông Võ Văn Thọ chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng, bản thân L và ông Thọ không có yêu cầu giám định thương tích, giám định thiệt hại tài sản hay yêu cầu bồi thường gì nên hai hành vi này chỉ là hành vi vi phạm hành chính. Tuy nhiên, hai hành vi trên của bị cáo diễn ra liên tục trong suốt quá trình xảy ra vụ án nên Hội đồng xem xét khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội đối với hành vi cố ý gây thương tích cho anh T1.

3.2. Đối với Võ Văn Quốc L đã có hành vi đánh nhau với Phạm Văn V nhưng chưa gây hậu quả gì nên hành vi của L cũng chỉ là hành vi vi phạm hành chính và đã bị xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

3.3. Về trách nhiệm dân sự:

3.3.1. Sau khi vụ án xảy ra, anh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí hợp lý cho việc cứu chữa là 24.000.000 đồng, chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe là 40.000.000 đồng, thu nhập thực tế bị mất là 39.000.000 đồng, tổng cộng là 93.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa anh T1 yêu cầu như sau:

- Chi phí cứu chữa, giám định thương tích có hóa đơn kèm theo là 6.289.776 đồng;

- Chi phí thu nhập thực tế bị mất trong 13 ngày nằm viện và 01 ngày nghỉ đi khám bệnh lại là 14 ngày x 300.000 đồng/ngày = 4.200.000 đồng;

- Chi phí hợp lý và thu nhập của người chăm sóc 13 ngày ở bệnh viện là 13 ngày x 200.000 đồng/ngày + 390.000 đồng tiền ăn = 2.990.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần (5 tháng lương cơ bản) = 5 x 1.350.000 đồng/tháng = 6.750.000 đồng;

- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là 20.000.000 đồng;

- Tiền thu nhập 5 tháng sau khi ra viện không đi làm được là: 26 ngày/tháng x 5 tháng x 300.000 đồng/ngày = 39.000.000 đồng.

Tổng cộng là 79.229.776 đồng.

3.3.2. Bị cáo và cha mẹ bị cáo là ông T, bà P không chấp nhận bồi thường tiền thu nhập 5 tháng sau khi ra viện không đi làm được là 26 ngày/tháng x 5 tháng x 300.000 đồng/ngày = 39.000.000 đồng, chỉ chấp nhận bồi thường cho anh T1 các khoản sau:

- Chi phí cứu chữa, giám định thương tích có hóa đơn kèm theo là 6.289.776 đồng;

- Chi phí thu nhập thực tế bị mất trong 13 ngày nằm viện và 01 ngày nghỉ đi khám bệnh lại là 14 ngày x 250.000 đồng/ngày = 3.500.000 đồng;

- Chi phí hợp lý và thu nhập của người chăm sóc 13 ngày ở bệnh viện là 13 ngày x 200.000 đồng/ngày + 390.000 đồng tiền ăn = 2.990.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần (1 tháng lương cơ bản) = 1.350.000 đồng;
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là: (tiền công lao động 7 ngày nghỉ dưỡng x 250.000 đồng/ngày) + (tiền bồi dưỡng ăn uống 7 ngày nghỉ dưỡng x 100.000 đồng/ngày) = 2.450.000 đồng. Tổng cộng số tiền chấp nhận bồi thường là: 16.579.776 đồng.

3.3.3. Thương tích 7% của anh T1 là do bị cáo gây ra khi bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Căn cứ hóa đơn, chứng từ do người bị hại nộp có tại hồ sơ vụ án thì chi phí cứu chữa, giám định thương tích có hóa đơn kèm theo là 6.289.776 đồng là hợp lý nên chấp nhận. Chi phí thu nhập thực tế bị mất trong 13 ngày nằm viện và 01 ngày nghỉ đi khám bệnh lại là 14 ngày x 300.000 đồng/ngày = 4.200.000 đồng là chính đáng và phù hợp với thu nhập tại địa phương nên chấp nhận. Chi phí hợp lý và thu nhập của người chăm sóc 13 ngày ở bệnh viện là 13 ngày x 200.000 đồng/ngày + 390.000 đồng tiền ăn = 2.990.000 đồng là chính đáng và phù hợp với thu nhập tại địa phương nên chấp nhận. Tiền tổn thất tinh thần (5 tháng lương cơ bản) = 5 x 1.350.000 đồng/tháng = 6.750.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận. Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là (tiền công lao động 7 ngày nghỉ dưỡng x 300.000 đồng/ngày) + (tiền bồi dưỡng ăn uống 7 ngày nghỉ dưỡng x 100.000 đồng/ngày) = 2.800.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Văn V và cha mẹ bị cáo là ông T, bà P có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh T1 23.029.776 đồng.

Bị cáo cùng cha mẹ bị cáo đã bồi thường cho anh T1 3.200.000 đồng, đã nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang theo biên lai thu số 5730 ngày 09/3/2018 nên tiếp tục bồi thường cho anh T1 là 14.829.776 đồng.

3.4. Về xử lý tang vật: Bà Diễm là chủ sở hữu cây rựa cán bằng gỗ tròn dài 40cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 25cm nhưng không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cáo trạng số 08/CT-VKSNDHV ngày 31/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Việc đại diện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, phòng ngừa là chưa phù hợp với tinh thần tại Điều 68, 69 của Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như tại Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015 về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và điểm d khoản 1 Điều 3 của Bộ luật hình sự năm 2015. Về trách nhiệm dân sự và xử lý tang vật: đại diện Viện kiểm sát đề nghị bị cáo và cha mẹ bị cáo bồi thường theo quy định pháp luật; đề nghị tịch thu, tiêu hủy một cây rựa cán bằng gỗ tròn dài 40cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 25cm là đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với việc phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm. án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn V phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

2. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 31, 68, 69, 73 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm đ khoản 1 Điều 3, Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt: Phạm Văn V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Phạm Văn V về cho UBND xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với trường học mà bị cáo đang theo học, phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Do bị cáo hiện nay chưa có việc làm, còn sống phụ vào cha mẹ và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên được miễn khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước nhưng phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự.

Tuyên buộc bị cáo Phạm Văn V và cha mẹ bị cáo là ông Phạm T, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ bồi thường cho anh Võ Văn Nguyễn T123.029.776 đồng (gồm: chi phí cứu chữa, giám định thương tích có hóa đơn kèm theo là 6.289.776 đồng, chi phí thu nhập thực tế bị mất trong 13 ngày nằm viện và 01 ngày nghỉ đi khám bệnh lại là 14 ngày x 300.000 đồng/ngày = 4.200.000 đồng, chi phí hợp lý và thu nhập của người chăm sóc 13 ngày ở bệnh viện là 13 ngày x 200.000 đồng/ngày + 390.000đồng tiền ăn = 2.990.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần (5 tháng lương cơ bản) = 5 x 1.350.000 đồng/tháng = 6.750.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là (tiền công lao động 7 ngày nghỉ dưỡng x 300.000 đồng/ngày) + (tiền bồi dưỡng ăn uống 7 ngày nghỉ dưỡng x 100.000 đồng/ngày) = 2.800.000 đồng) nhưng đã bồi thường cho anh T1 3.200.000 đồng, đã nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang theo biên lai thu số 5730 ngày 09/3/2018 nên phải tiếp tục bồi thường cho anh T1 là 14.829.776 đồng (bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy một cây rựa cán bằng gỗ tròn dài 40cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 25cm. Vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/02/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 741.488 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 09/3/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THA DS huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND Tp.Đà Nẵng;
- Công an huyện Hòa Vang;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÚT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG